

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HỒI
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 01 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17- 3 – 2023

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi
con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HỒI - TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hành.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Hồng và bà Trần Thị Huyền.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Đình Tú- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Khanh- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022, Về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 2 năm 2023, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/2/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm: 11/10/1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Thân Nhân K, sinh năm: 18/5/1981. Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai, yêu cầu, đề nghị trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Thân Nhân K kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện Ng, tỉnh Kon Tum. Trước khi kết hôn, hai anh chị được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc, sau đó gia đình hai bên đã tổ chức đám cưới cho anh chị theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn; theo chị L trình bày nguyên nhân là do anh K không quan tâm tới vợ con, không làm tròn bổn phận của người chồng. Anh K

thường xuyên uống rượu về đánh đập tôi. Vợ, chồng luôn bất hòa, không cùng quan điểm trong cuộc sống, và vợ, chồng đã sống ly thân từ đó đến nay.

Kể từ khi ly thân, vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, không quan tâm gì đến nhau. Nay chị Lê Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn không thể giải quyết, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung; vợ chồng có 02 con chung là cháu Thân lê Quang D sinh ngày 24/2/2009 và Thân lê Anh T sinh ngày: 04/5/2011. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng với Chị lê Thị L tại Tổ dân phố 7 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Khi ly hôn, chị Lê Thị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu; cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; không yêu cầu anh Thân Nhân K phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung; không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Thân Nhân K trình bày: Tôi và Cô l về chung sống với nhau từ năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện N tỉnh Kon Tum, Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, mâu thuẫn ngày càng thêm căng thẳng, vợ chồng đã ly thân nhau từ lâu rồi không còn quan tâm đến ai trong cuộc sống, tôi cũng xét thấy chúng tôi không thể đoàn tụ được nữa. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho chúng tôi được ly hôn nhau.

Về con chung: vợ, chồng tôi có 02 con chung là cháu Thân lê Quang D sinh ngày 24/2/2009 và Thân lê Anh T sinh ngày: 04/5/2011. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng với Chị lê Thị L tại Tổ dân phố 7 thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum. Khi ly hôn, chúng tôi thỏa thuận giao cho chị Lê Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu; cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Phần cấp dưỡng nuôi con chung, cô L không yêu cầu tôi phải cấp dưỡng, tôi đồng ý theo yêu cầu của cô L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Hồi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án đúng quy định pháp luật; việc thu thập tài liệu chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thực hiện các bước tố tụng trước khi xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định;

Đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Thân Nhân K do tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Lê Thị L có nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Thân lê Quang D sinh ngày 24/2/2009 và Thân lê Anh T sinh ngày: 04/5/2011 cho đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi; Anh Thân Nhân K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu, không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Thân , sau khi sống ly thân đã đi làm ăn tại Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B. tuy nhiên, anh có nơi cư trú tại: Tổ dân phố 7; thị trấn P Huyện N tỉnh Kon Tum, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

[2] Về quan hệ hôn nhân; căn cứ vào lời khai, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở để xác định: Chị Lê Thị L và anh Thân Nhân K kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, và tổ chức hôn lễ trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Quá trình chung sống, đến giữa năm 2012 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn trong khoảng thời gian dài, nguyên nhân do anh Thân Nhân K thường xuyên rượu chè, chơi bời về đánh đập chị L và không quan tâm tới vợ con, không làm tròn bổn phận của người chồng, người cha. Mặc dù vợ chồng đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay, nhưng anh K không thể hiện thiện chí, tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn, bồi đắp tình cảm để đoàn tụ; thậm chí khi Tòa án nhiều lần triệu tập, thông báo phiên hòa giải nhưng bị đơn không hợp tác, không đến Tòa án.

[3] Tòa án đã tạo điều kiện tiến hành khuyên bảo chị Lê Thị L, hòa giải mâu thuẫn, đoàn tụ nuôi dạy con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc; nhưng nguyên đơn xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất quyết yêu cầu được ly hôn, để được giải thoát khỏi cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Bị đơn cũng đồng ý ly hôn. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai cháu là: cháu Thân lê Quang D sinh ngày 24/2/2009 và Thân lê Anh T sinh ngày: 04/5/2011. Hiện nay, cả hai cháu đang ở cùng với Chị lê Thị L tại Tổ dân phố 7 thị trấn Plei Kần, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Trong quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Bị đơn anh Thân Nhân K cũng đồng ý để hai con chung giao cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận này là phù hợp, bởi vì hiện nay anh K đi làm ăn xa, cuộc sống không ổn định. Vì vậy nên giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu là hợp lý, đảm bảo cho các cháu được học hành ổn định cuộc sống.

[5] Việc phân định trách nhiệm nuôi con chung như thế là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai vợ chồng; do vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Hai bên có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con do chị Làn không có yêu cầu. Việc giao con cho người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, các bên đương sự có quyền đề nghị thay đổi trong quá trình nuôi dưỡng sau này theo quy định pháp luật.

[6] Về tài sản chung và khoản nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[8] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng là đúng thực tế, phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa. Đối với quan điểm về việc đề nghị giải quyết nội dung vụ án; đại diện Viện kiểm sát đã đưa ra được các nhận định, đánh giá chứng cứ, căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với đường lối, định hướng giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị L và anh Thân Nhân K. (Giấy chứng nhận kết hôn số 37, ngày 12/6/2008 của Ủy ban nhân dân thị trấn P Huyện N tỉnh Kon Tum.).

2. Con chung:

2.1. Chị Lê Thị L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Thân lê Quang D sinh ngày 24/2/2009 và Thân lê Anh T sinh ngày: 04/5/2011, cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

2.2. Anh Thân Nhân K không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do các đương sự không có yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, khoản nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để nộp Ngân sách nhà nước; xác nhận đã thi hành đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0002867 ngày 12/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (17/3/2023). Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- UBND thị trấn Plei Kần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SO THẨM
THẨM PHÁN_ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Hành